

BÀN VỀ KINH TẾ HÓA - THƯƠNG MẠI HÓA NGÀNH KHÍ TƯỢNG THỦY VĂN

THƯ VIỆN
TRUNG TÂM KHÍ TƯỢNG THỦY VĂN QUỐC GIA

PGS. TS. Trần Thực, TS. Trần Hồng Thái
Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Môi trường

Nhằm thực hiện nghị quyết số 27-NQ/BCSĐTNMT ngày 2/12/2009 của BCS Đảng Bộ TNMT về việc đẩy mạnh kinh tế hóa ngành tài nguyên và môi trường, nghiên cứu đã đề xuất một số ý kiến về việc xây dựng Đề án kinh tế và thương mại hoá ngành khí tượng thủy văn (KTTV) nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của ngành, hướng tới đảm bảo hoàn thành tốt các nhiệm vụ chính trị và đáp ứng được yêu cầu thực tế của ngành KTTV trong điều kiện nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, công nghiệp hoá, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế.

1. Sự cần thiết của kinh tế hóa, thương mại hóa ngành khí tượng thủy văn

Trong những năm gần đây, nhiều nước trên thế giới đã và đang từng bước tiến hành xã hội hóa và thương mại hóa lĩnh vực khí tượng thủy văn (KTTV). Tổ chức khí tượng thế giới (WMO) cũng đã có nhiều tài liệu hướng dẫn các thành viên về thương mại hoá các hoạt động KTTV, như: Nghị quyết 40 (Cg-XII) về chính sách và hoạt động của WMO về việc trao đổi số liệu và các sản phẩm khí tượng bao gồm các hướng dẫn về các mối quan hệ trong các hoạt động khí tượng thương mại; Nghị quyết 22 (EC-XLVI) - Hướng dẫn của WMO về các hoạt động thương mại. Các hoạt động dịch vụ KTTV mang tính thương mại đã mang lại những nguồn thu đáng kể.

Ở Việt Nam, ngành KTTV vẫn là loại hình phục vụ mang tính phúc lợi xã hội và hoạt động chủ yếu phụ thuộc vào ngân sách nhà nước ở cấp trung ương và địa phương, chưa có sự tham gia của các tổ chức, cá nhân vào các hoạt động của ngành. Các thông tin, kết quả quan trắc, nghiên cứu và dự báo KTTV vẫn chưa được coi là sản phẩm hàng hóa nên vẫn chưa có giá trị thương mại trong đời sống kinh tế - xã hội. Điều này đã khiến cho công tác nghiên cứu, dự báo KTTV vốn đã rất khó khăn, vất vả và tốn kém phải đối mặt với những thách thức lớn do

đòi hỏi của xã hội ngày càng cao. Trong khi đó, sự phát triển kinh tế - xã hội trong thời kỳ mở cửa, công nghiệp hóa, hiện đại hóa chắc chắn sẽ tạo ra yêu cầu phục vụ và thị trường rộng lớn cho các hoạt động KTTV.

Chính vì vậy, việc đẩy mạnh kinh tế hóa - thương mại hóa ngành KTTV có ý nghĩa rất quan trọng trong việc góp phần phát triển ngành KTTV nói riêng và mái nhà Tài nguyên Môi trường nói chung.

2. Hoạt động, hiệu quả và những khó khăn của ngành KTTV Việt Nam

Hoạt động và hiệu quả của hoạt động KTTV

Hoạt động phục vụ KTTV có vai trò rất quan trọng đối với an ninh quốc phòng và mang lại những lợi ích kinh tế xã hội lớn lao. Kết quả nghiên cứu của một đề tài cấp Bộ cho thấy lợi ích kinh tế do việc sử dụng thông tin KTTV lớn gấp 18 lần đầu tư cho ngành KTTV. Nghiên cứu ở các nước khác cũng cho những kết quả tương tự.

Về mặt phục vụ KTTV dịch vụ, theo một thống kê chính thức, chỉ riêng trong giai đoạn từ 1991-1995 đã có gần 1.100 yêu cầu phục vụ về KTTV các loại với tổng giá trị tới hơn 22 tỷ đồng (Bảng 1 và Bảng 2).

Bảng 1. Số lượng yêu cầu phục vụ KTTV phân theo khối ngành (lượt)

Khối ngành	1991	1992	1993	1994	1995	Tổng
Nông lâm thủy lợi	65	124	84	132	96	501
Giao thông, xây dựng	6	69	73	19	37	204
Công nghiệp, năng lượng	5	21	51	38	28	143
Phòng chống thiên tai	25	30	37	29	18	139
Quốc phòng, đối tượng khác	35	9	34	18	11	107

Để thấy được giá trị của việc cung cấp thông tin yêu cầu của các khối ngành (Bảng 2) có thể đánh giá qua giá trị của các hợp đồng theo

Bảng 2. Giá trị hợp đồng phục vụ KTTV phân theo khối ngành (triệu đồng)

Khối ngành	1991	1992	1993	1994	1995	Tổng
Nông lâm thủy lợi	122	313	870	635	672	2.611
Giao thông, xây dựng	228	1.080	1.724	660	1.269	4.961
Công nghiệp, năng lượng	762	839	2.387	3.972	3.085	11.045
Phòng chống thiên tai	305	502	774	924	768	3.273
Quốc phòng, đối tượng khác	107	168	234	94	136	739

Kho số liệu KTTV của ngành KTTV Việt Nam đã lưu trữ được số liệu KTTV từ đầu thế kỷ là những số liệu rất quý giá. Các hoạt động phục vụ chuyên dùng là các hoạt động thu phí và là nguồn thu dịch vụ của Trung tâm KTTV Quốc gia hiện nay. Trong những năm gần đây, ước tính mỗi năm Trung tâm KTTV Quốc gia thu được khoảng 20 tỷ VNĐ từ các hoạt động dịch vụ KTTV chuyên dùng. Tuy nhiên, phần lớn các hoạt động dịch vụ của Trung tâm KTTV Quốc gia hiện nay chủ yếu mang tính lao động thủ công, tính ứng dụng thông tin KTTV chưa nhiều nên hiệu quả chưa cao, mất nhiều chi phí cho việc thuê lao động, giá trị gia tăng không nhiều.

Một số khó khăn

Về cơ bản, hoạt động KTTV lâu nay coi việc phục vụ phòng chống thiên tai làm trọng tâm, chưa chú trọng nhiều đến các hoạt động dịch vụ, tiềm năng của thông tin KTTV chưa phát huy được hết hiệu quả, đặc biệt, khi mà tác động của khí hậu, thời tiết hết sức to lớn nhưng khả năng khai thác, sử dụng thông tin KTTV trong các lĩnh vực kinh tế - xã

hội còn nhiều hạn chế. Các hoạt động phục vụ và dịch vụ KTTV trong thời gian qua còn có những bất cập sau:

- Thứ nhất, các sản phẩm KTTV chưa được khai thác hết tiềm năng và xác định đúng giá trị.
- Thứ hai, chưa tạo ra được các sản phẩm đa dạng để có thể thương mại hoá.
- Thứ ba, cơ chế, tổ chức và quản lý hoạt động KTTV có nhiều bất cập: chưa hình thành được các hoạt động dịch vụ, tư vấn KTTV từ trung ương đến các địa phương về tổ chức, quản lý và cơ chế tài chính, định mức kinh tế kỹ thuật thích hợp cho các hoạt động dịch vụ KTTV ở cấp cơ sở cũng như ở trung ương.
- Thứ tư, việc quảng bá và tiếp thị sản phẩm KTTV chưa được chú trọng.
- Thứ năm, trình độ khoa học và công nghệ chưa đáp ứng được nhu cầu phục vụ KTTV.

3. Một số ý tưởng về Đề án kinh tế hóa ngành KTTV

Nhằm khắc phục những khó khăn và bất cập trong việc nâng cao hiệu quả các hoạt động của ngành KTTV nói riêng và lĩnh vực tài nguyên và môi trường nói chung, ngày 02 tháng 12 năm 2009, Ban cán sự Đảng Bộ Tài nguyên và Môi trường đã đưa ra Nghị quyết số 27-NQ/BCSĐTNMT về việc đẩy mạnh kinh tế hóa ngành tài nguyên và môi trường. Bám sát những nội dung chính của Nghị quyết này, nhóm nghiên cứu thuộc Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Môi trường mạnh dạn đề xuất một số ý tưởng về việc xây dựng Đề án kinh tế và thương mại hoá ngành KTTV với những nội dung chính như sau:

a. Mục tiêu tổng quát

Mục tiêu tổng quát của Đề án là đẩy mạnh xã hội hóa, kinh tế hóa các hoạt động của ngành KTTV nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả của đầu tư nhà nước, hướng tới đảm bảo hoàn thành tốt các nhiệm vụ chính trị của ngành KTTV và đáp ứng được yêu cầu thực tế của ngành trong điều kiện nền kinh tế thị trường định hướng XHCN, công nghiệp hoá, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế.

b. Mục tiêu cụ thể

1) Xây dựng được bộ khung chính sách, pháp lý về: (i) lồng ghép các yếu tố khí tượng thủy văn vào quá trình xây dựng và triển khai các quy hoạch, kế hoạch, chính sách của các ngành, các cấp; (ii) huy động các tổ chức, cá nhân thuộc mọi đối tượng (kể cả trong và ngoài nước) đầu tư và triển khai các hoạt động trong lĩnh vực khí tượng, thủy văn (bao gồm cả các hoạt động dịch vụ công đầu tư từ nguồn ngân sách nhà nước và các hoạt động dịch vụ);

2) Nhận dạng và đánh giá được nhu cầu thực tế và các loại hình dịch vụ khí tượng thủy văn phục vụ các ngành, các cấp và các đối tượng xã hội thuộc các thành phần kinh tế khác nhau; đánh giá được hiện trạng và nhu cầu tăng cường năng lực của ngành KTTV nhằm đáp ứng các yêu cầu thực tế;

3) Tăng cường năng lực của quản lý nhà nước đối với hoạt động xã hội hóa, kinh tế hóa ngành KTTV;

4) Tăng cường năng lực của các đơn vị sự

ngiệp ngành KTTV, đa dạng hóa và nâng cao chất lượng công tác nhằm đáp ứng nhu cầu thực tế và các loại hình dịch vụ khí tượng thủy văn phục vụ các ngành, các cấp và các đối tượng xã hội thuộc các thành phần kinh tế khác nhau;

5) Xây dựng được chiến lược phát triển ngành KTTV cho các giai đoạn tiếp theo.

c. Một số nội dung hoạt động

1) Xây dựng được bộ khung chính sách, pháp lý nhằm:

- Lồng ghép các yếu tố khí tượng thủy văn vào quá trình xây dựng và triển khai các quy hoạch, kế hoạch, chính sách của các ngành, các cấp. Quá trình lồng ghép các yếu tố KTTV (gọi tắt là Lồng ghép) nhằm duy trì sự ổn định và tính hiệu quả của các chiến lược, kế hoạch, quy hoạch phát triển kinh tế- xã hội, phát triển ngành, và các địa phương hiện đang được thực hiện; góp phần đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế- xã hội của đất nước. Đây là một hoạt động có tính chất quyết định đối với việc khẳng định được vai trò của ngành KTTV.

- Khuyến khích, đẩy mạnh việc phát triển các dự án theo cơ chế phát triển sạch CDM và kêu gọi đầu tư phát triển công nghệ sản xuất sử dụng ít các bon.

- Huy động các tổ chức, cá nhân đầu tư và triển khai các hoạt động trong lĩnh vực khí tượng, thủy văn và biến đổi khí hậu.

- Xây dựng các quy định, hướng dẫn việc xác định giá trị và định mức kinh tế - kỹ thuật của các hoạt động KTTV.

2) Nhận dạng và đánh giá được nhu cầu thực tế và các đối tượng phục vụ

Việc nhận dạng và đánh giá các đối tượng phục vụ trong lĩnh vực KTTV là nhiệm vụ then chốt và quyết định sự thành công của chiến lược kinh tế hóa, tài chính hóa các hoạt động của ngành. Đối tượng phục vụ chính có thể kể đến như sau:

- Công chúng nói chung và các cơ quan lãnh đạo, quản lý: các sản phẩm phục vụ công cộng chủ yếu là các bản tin KTTV phục vụ phòng chống thiên tai cung cấp cho các cơ quan chỉ đạo phòng chống

thiên tai;

- Các cơ sở sản xuất kinh doanh (xí nghiệp, công ty, v.v..) và các cá nhân theo yêu cầu cụ thể;

- Nhiều ngành có thể sử dụng thông tin KTTV trong các hoạt động của mình nên các đối tượng của dịch vụ KTTV rất nhiều. Có thể nêu ra một số lĩnh vực chính như: (i) Nông nghiệp: ứng dụng trong việc quy hoạch trồng trọt, cơ cấu mùa vụ, cây trồng và vật nuôi, canh tác và chăm sóc cây trồng. Các công ty thủy nông có thể sử dụng các dự báo mưa để điều hành chế độ tưới tiêu hợp lý. Các công ty bảo vệ thực vật hoặc nông dân có thể sử dụng dự báo thời tiết để phun thuốc; (ii) Thủy sản: Các yếu tố KTTV liên quan chặt chẽ với các điều kiện sinh trưởng và phát triển của các loài sinh vật biển; (iii) Năng lượng; (iv) Giao thông; (v) Khí tượng hàng không; (vi) Du lịch và giải trí; v.v.

3) Xác định nội dung dịch vụ

- Dịch vụ dự báo.

- Dịch vụ cung cấp thông tin tư liệu KTTV.

- Dịch vụ thiết kế, sản xuất và cung cấp trang thiết bị KTTV: đây là loại hình dịch vụ quan trọng và có tính khả thi cao trong việc kinh tế hóa và tài chính hóa. Tính đến thời điểm này, được sự phân công của Bộ Tài nguyên và Môi trường, Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Môi trường đã chủ động phối hợp với các đơn vị liên quan, như: Trung tâm KTTV Quốc gia, Trung tâm Viễn Thám, Trường Đại học Quốc gia Hà Nội và một số tỉnh/thành, nghiên cứu và áp dụng thành công nhiều trang thiết bị KTTV hiện đại và có tính ứng dụng cao trong tác nghiệp thực tế của ngành KTTV: đo đạc, cảnh báo tự động các thông số khí tượng: gió, mưa, nhiệt độ, nắng, v.v. Nếu được quan tâm thỏa đáng, những trang thiết bị này sẽ trở thành "hàng hóa" cung cấp cho các đối tượng khác nhau.

- Dịch vụ tư vấn KTTV và các giải pháp ứng dụng thông tin KTTV; Dịch vụ tư vấn dự án theo cơ chế phát triển sạch; Dịch vụ thương mại điện tử và trên các phương tiện thông tin liên lạc; Dịch vụ đào tạo

và bồi dưỡng nghiệp vụ.

- Dịch vụ KTTV khác và dịch vụ liên quan, như: (i) Điều tra khảo sát KTTV và các lĩnh vực liên quan: môi trường, địa hình; (ii) Tham gia thẩm định, đánh giá, nghiên cứu khoa học; (iii) Điều tra khảo sát phục vụ xây dựng, kiểm định và lắp đặt các máy móc thiết bị đo đạc cho các trạm KTTV dùng riêng; đào tạo, huấn luyện cán bộ KTTV cho các ngành. Theo thống kê chưa đầy đủ, cả nước hiện có trên 300 trạm KTTV dùng riêng, đây chính là nguồn tiềm năng to lớn cho hoạt động dịch vụ này.

4) Đề xuất các biện pháp thực hiện

Muốn nâng cao hiệu quả của việc kinh tế hóa, thương mại hóa các sản phẩm KTTV cần phải có các biện pháp đi kèm lộ trình triển khai cụ thể. Tuy nhiên, do hạn chế trong khuôn khổ của một bài báo, nhóm nghiên cứu chỉ giới thiệu sơ bộ một số nhóm các biện pháp mà không đi sâu vào chi tiết. Đó là:

- Nhóm biện pháp tổ chức và tài chính: xây dựng các cơ chế tài chính và đề xuất các cơ chế pháp lý cho việc thương mại hóa hoạt động KTTV, thành lập tổ chức điều hành một cách thống nhất các hoạt động dịch vụ KTTV, và tăng cường năng lực cho các đơn vị nghiên cứu ứng dụng thông tin KTTV trong các lĩnh vực sản xuất.

- Nhóm biện pháp nâng cao năng lực KHCN và cơ sở hạ tầng: xây dựng hệ thống trạm quan trắc tự động trên phạm vi cả nước; thiết lập hệ thống lưu trữ và thông tin liên lạc hiện đại bảo đảm việc thu thập, lưu trữ và cung cấp tư liệu kịp thời; đầu tư hạ tầng xây dựng lại trang web; v.v..

- Tổ chức quảng bá, tiếp thị sản phẩm KTTV.

Trên đây, trên cơ sở phân tích tình hình cụ thể của Việt Nam và học hỏi kinh nghiệm quốc tế, một số ý tưởng góp phần đẩy mạnh kinh tế hóa ngành KTTV nhằm tăng cường hiệu quả công tác của ngành đã được trình bày. Những đề xuất này có thể phục vụ làm cơ sở cho các nghiên cứu tiếp theo để xây dựng được một Đề án khả thi và tổng thể về kinh tế hóa – thương mại hóa ngành KTTV.